

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TRIỆU SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 866 /UBND-LĐT BXH
V/v báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện
chương trình phòng chống mại dâm
giai đoạn 2016-2020

Triệu Sơn, ngày 08 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 770/SLĐT BXH-PCTNXH ngày 26/3/2020 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa về việc báo cáo tổng kết 05 năm thực hiện chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020, Chủ tịch UBND huyện đề nghị Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an huyện Triệu Sơn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung như sau:

1. Tổ chức tổng kết, đánh giá 05 năm thực hiện chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020.

2. Báo cáo kết quả thực hiện (theo đề cương, phụ lục gửi kèm) về UBND huyện (qua Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội) trước ngày 20/6/2020 để tổng hợp báo cáo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Thanh Hóa.

Đề nghị Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Trưởng Công an huyện Triệu Sơn, Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chỉ đạo thực hiện./ *ll*

Nơi nhận: *ll*

- Như trên;
- Lưu: VT, LĐT BXH.

**KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Quang Trung

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO TỔNG KẾT 5 NĂM
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM
GIAI ĐOẠN 2016 - 2020 THEO KẾ HOẠCH SỐ 112/KH-UBND NGÀY 27/7/2016
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐT BXH ngày /4/2020
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Công tác tổ chức điều hành Chương trình

- Chỉ đạo, hướng dẫn việc thực hiện Chương trình và các Đề án của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Quyết định, Kế hoạch, văn bản,...).

- Xây dựng Kế hoạch liên ngành phối hợp giữa các cơ quan nhà nước; giữa các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp; giữa các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với nội dung, biện pháp cụ thể;

- Công tác kiểm tra, đánh giá việc triển khai, thực hiện Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Trong đó, lưu ý đánh giá những đổi mới trong chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm, nâng cao chất lượng công tác phòng, chống mại dâm từ khi có Chương trình (vai trò lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp trong tổ chức nhiệm vụ phòng, chống mại dâm; phối hợp giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị tham gia công tác phòng, chống mại dâm; xử lý vi phạm hành chính, hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm; hỗ trợ thực hiện các biện pháp giảm hại, hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm,...).

2. Kết quả việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu

Thống kê, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu về phòng, chống mại dâm sau 05 năm thực hiện Chương trình, phân tích, chỉ rõ mức độ đạt được các chỉ tiêu, chỉ tiêu nào không hoàn thành, chỉ tiêu nào không phù hợp

3. Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chính

3.1. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm

- Kết quả cụ thể trong việc thực hiện đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền tại cộng đồng thông qua các buổi thảo luận nhóm, tư vấn hỗ trợ cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp; các hoạt động tuyên truyền mang tính tương tác cao tại các khu công nghiệp, trường học..., các hoạt động tuyên truyền trực tiếp ở các

khu vực miền núi, các địa phương nghèo, địa phương có nhiều người di cư để hạn chế phát sinh mới số người tham gia mại dâm.

- Đánh giá về các hình thức thông tin, tuyên truyền có hiệu quả đã áp dụng.

3.2. Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội tại địa bàn cơ sở

- Kết quả rà soát, đánh giá về nhóm người có nguy cơ cao (thanh niên chưa có nghề nghiệp, chưa có việc làm...) và các chương trình an sinh xã hội, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương để hướng mục tiêu của các chương trình đến các nhóm đối tượng này.

- Kết quả xây dựng các hoạt động lồng ghép và tổ chức, thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương, tập trung vào các hoạt động lồng ghép cho nhóm phụ nữ có nhu cầu tìm kiếm việc làm trong các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, hỗ trợ vay vốn, chương trình giảm nghèo... nhằm cung cấp cho họ các cơ hội lựa chọn công việc phù hợp.

3.3. Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm.

Tập trung vào các kết quả: Quy mô của mô hình (số lượng mô hình, số lượng thành viên); Số lượng, hình thức các hoạt động truyền thông được tổ chức (tờ rơi, trực tiếp, qua loa đài ...); số người được truyền thông; số người bán dâm được tiếp cận, chuyển gửi đến các dịch vụ cần thiết (tại cộng đồng và Trung tâm công tác xã hội); số lượng, chất lượng các dịch vụ tham gia hỗ trợ trong mô hình. Những thuận lợi, khó khăn trong việc triển khai thực hiện thí điểm các mô hình này ở địa phương. Rút ra những bài học kinh nghiệm, những đóng góp về chính sách, pháp luật qua thực tiễn của mô hình thí điểm tại địa phương.

3.4. Công tác đấu tranh, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm liên quan đến mại dâm.

- Thực trạng các cơ sở kinh doanh dịch vụ liên quan đến hoạt động mại dâm. Kết quả cụ thể trong việc thực hiện công tác kiểm soát địa bàn; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm hành chính, tội phạm liên quan đến mại dâm; đặc biệt là hoạt động của Đội kiểm tra liên ngành phòng, chống mại dâm các cấp theo Nghị định 178/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh phòng, chống mại dâm.

- Kết quả tổ chức điều tra, khám phá các vụ án, triệt phá các tổ chức tội phạm liên quan đến mại dâm, giải cứu nạn nhân. Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra giám sát các hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm liên quan đến mại dâm từ cấp cơ sở. Thực hiện hoạt động thực hành quyền công tố, kiểm sát tin báo tố giác, kiểm sát, điều tra, kiểm sát xét xử các vụ án liên quan đến mại dâm.

- Kết quả xét xử tội phạm liên quan đến mại dâm, có các biện pháp bảo vệ nạn nhân trong quá trình truy tố, xét xử các vụ án liên quan đến mua bán người vì mục đích mại dâm, nhất là với các nạn nhân là trẻ em.

4. Kinh phí

- Kinh phí hàng năm từ ngân sách chi thường xuyên của địa phương cho nhiệm vụ phòng, chống mại dâm;

- Nguồn kinh phí khác (tài trợ của tổ chức quốc tế, hỗ trợ của doanh nghiệp, đóng góp của cá nhân, tổ chức,...).

II. ĐÁNH GIÁ SAU 5 NĂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Về hiệu quả

- *Thứ nhất*, mức độ đạt được các mục đích, mục tiêu, yêu cầu của Chương trình phòng, chống mại dâm.

- *Thứ hai*, những kết quả thực tế do công tác công tác phòng, chống mại dâm mang lại. Những kết quả này cần được đánh giá ở cả mặt nhận thức và mặt hành vi (những gì đạt được) trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, đặc biệt trong việc giữ gìn, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội và đấu tranh phòng, chống vi phạm pháp luật,...

- *Thứ ba*, chi phí cho việc thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm.

2. Tồn tại, khó khăn và nguyên nhân

- Về tổ chức chỉ đạo, điều hành.

- Về thực hiện nội dung, biện pháp, giải pháp của chương trình.

- Nguyên nhân (khách quan, chủ quan).

3. Bài học kinh nghiệm

- Bài học về tổ chức các mô hình, phương pháp, cách làm hiệu quả trong phòng, chống mại dâm.

- Bài học về cơ chế tổ chức thực hiện (hoạt động chỉ đạo, vai trò cơ quan chủ trì, cơ chế phối hợp liên ngành,...).

- Bài học về nguồn nhân lực và các điều kiện đảm bảo cho công tác phòng, chống mại dâm.

III. PHƯƠNG HƯỚNG CHO GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

- Đánh giá thực trạng tình hình mại dâm hiện nay; sự cần thiết xây dựng Chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025.

- Giải pháp trong giai đoạn tới.

- Kiến nghị, đề xuất cụ thể./.

Phụ lục

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU 5 NĂM (2016 - 2020)
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG MẠI DÂM
GIẢI ĐOẠN 2016 - 2020 THEO KẾ HOẠCH SỐ 112/KH-UBND NGÀY 27/7/2016
CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
(Kèm theo Công văn số /UBND-LĐTĐXH ngày tháng 4 năm 2020
của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn)

A. THỰC HIỆN CHỈ TIÊU

Nội dung	Kết quả
1. Số xã, phường, thị trấn tổ chức được ít nhất một hình thức tuyên truyền về phòng ngừa mại dâm và được duy trì thường xuyên (đơn vị tính %)	
2. Xây dựng kế hoạch lồng ghép và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng, chống mại dâm với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương như chương trình giảm nghèo, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chương trình việc làm, phòng, chống HIV/AIDS, phòng, chống tội phạm mua bán người (Có hoặc không)	
3. Triển khai thực hiện các hoạt động can thiệp giảm hại về HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm (Có hoặc không)	

B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng ¹
1. Thực trạng tình hình		
1.1. Tình hình hoạt động của các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm trên địa bàn		
- Tổng số cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm hiện có trên địa bàn	<i>Cơ sở</i>	
<u>Trong đó:</u>		
+ Cơ sở lưu trú (nhà nghỉ, khách sạn, nhà trọ, nhà cho thuê, ...)	<i>Cơ sở</i>	
+ Nhà hàng Karaoke & cơ sở massage	<i>Cơ sở</i>	
+ Vũ trường	<i>Cơ sở</i>	
+ Loại hình khác (quán bia, nhà hàng ăn uống, quán cà phê, cắt tóc gội đầu thư giãn, ...)	<i>Cơ sở</i>	
- Số cơ sở đã ký cam kết không để xảy ra tệ nạn mại dâm tại cơ sở	<i>Cơ sở</i>	
- Số tiếp viên làm việc trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm	<i>Người</i>	
<u>Trong đó:</u>		

¹ Số liệu tổng hợp 5 năm từ 2016 đến 2020 (Năm 2020 tính đến 31/5/2020 hoặc ước thực hiện cả năm 2020). Riêng số liệu Mục 1. Thực trạng tình hình lấy số liệu thống kê tính đến ngày 31/5/2020

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng¹
+ Số tiếp viên có hợp đồng lao động	Người	
+ Số tiếp viên là nữ giới	Người	
+ Số tiếp viên là người ngoại tỉnh	Người	
+ Số tiếp viên nữ dưới 18 tuổi	Người	
1.2. Tình hình các ổ nhóm, tụ điểm, địa bàn có dấu hiệu hoạt động mại dâm nơi công cộng		
- Số tụ điểm, địa bàn phức tạp về tệ nạn mại dâm	Tụ điểm	
1.3. Số người bán dâm trên địa bàn		
- Số người bán dâm ước tính	Người	
- Số người bán dâm được các cơ quan chức năng thống kê (qua xử phạt hành chính; hỗ trợ xã hội; y tế, phòng, chống HIV/AIDS...)	Người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Qua xử phạt hành chính		
+ Số người dưới 18 tuổi	Người	
+ Số người ngoại tỉnh	Người	
2. Kết quả cụ thể		
2.1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành		
- Số lượng văn bản quy phạm pháp luật ban hành theo thẩm quyền	Văn bản	
- Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về phòng, chống mại dâm trong phạm vi quản lý (Công văn chỉ đạo, Chương trình, Kế hoạch....)	Văn bản	
2.1. Công tác truyền thông nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm		
- Số buổi truyền thông về công tác phòng, chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Buổi	
- Số người tham gia các buổi truyền thông về công tác phòng chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Lượt người	
- Số panô, áp phích, tờ rơi...được thực hiện về công tác phòng, chống mại dâm tại cơ sở xã, phường, thị trấn	Panô, áp phích, tờ rơi	
2.2. Kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật của Đội kiểm tra liên ngành 178/CP		
- Tổng số cơ sở kiểm tra trong kỳ	cơ sở	
- Tổng số cơ sở chịu các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về phòng, chống mại dâm	Lượt cơ sở	
<u>Trong đó:</u>		

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng ¹
+ Số cơ sở bị rút giấy phép kinh doanh	Lượt cơ sở	
+ Số cơ sở bị đình chỉ kinh doanh	Lượt cơ sở	
+ Số cơ sở bị cảnh cáo, nhắc nhở	Lượt cơ sở	
+ Số cơ sở bị phạt tiền	Lượt cơ sở	
* Số tiền phạt	Triệu đồng	
+ Số cơ sở bị áp dụng các hình thức xử lý khác	Lượt cơ sở	
2.3. Công tác truy quét, triệt phá ổ nhóm tổ chức hoạt động mại dâm		
- Số cuộc truy quét tại địa điểm công cộng	Cuộc	
- Số cuộc triệt phá tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ	Cuộc	
- Tổng số người vi phạm	Lượt người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người mua dâm	Lượt người	
+ Số người bán dâm	Lượt người	
+ Số người bán dâm dưới 18 tuổi	Lượt người	
+ Số chủ chứa, môi giới	Lượt người	
- Số người bị xử lý vi phạm hành chính	Lượt người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người mua dâm	Lượt người	
+ Số người bán dâm	Lượt người	
+ Số người mua bán dâm dưới 18 tuổi	Lượt người	
+ Số chủ chứa, môi giới	Lượt người	
- Số người bị xử lý hình sự	Lượt người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số người mua dâm người chưa thành niên	Lượt người	
+ Số chủ chứa mại dâm	Lượt người	
+ Số môi giới mại dâm	Lượt người	
2.4. Công tác truy tố, xét xử		
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân khởi tố		
+ Số vụ	Vụ	
+ Số bị can	Người	
- Số vụ việc liên quan đến mại dâm được Viện Kiểm sát nhân dân thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử		
+ Số vụ	Vụ	

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng¹
+ Số bị cáo	Người	
- Số vụ án liên quan đến mại dâm được Tòa án các cấp thụ lý, xét xử		
+ Số vụ	Vụ	
+ Số bị cáo	Người	
2.5. Công tác xây dựng thử nghiệm 03 mô hình		
- Số lượng mô hình	Mô hình	
<u>Trong đó:</u>		
+ Mô hình hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới (Mô hình 1)	Mô hình	
+ Mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng và Trung tâm công tác xã hội (Mô hình 2)	Mô hình	
+ Mô hình hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ để phát sinh tệ nạn mại dâm (Mô hình 3)	Mô hình	
- Số người bán dâm tham gia ban chủ nhiệm câu lạc bộ/nhóm tự lực/nhóm đồng đẳng	Người	
- Số người bán dâm được tham gia các câu lạc bộ/nhóm tự lực/nhóm đồng đẳng	Người	
- Tổng số người bán dâm được hỗ trợ	Luợt người	
<u>Trong đó:</u>		
+ Số đối tượng được hỗ trợ giáo dục	Luợt người	
+ Số đối tượng được tư vấn, trợ giúp pháp lý	Luợt người	
+ Số đối tượng được vay vốn sản xuất kinh doanh	Luợt người	
* Số tiền được vay	Triệu đồng	
+ Số đối tượng được học nghề, tạo việc làm	Luợt người	
+ Số đối tượng được hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe	Luợt người	
+ Số đối tượng được cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV	Luợt người	
- Tổng số người bán dâm được chuyển gửi đến các dịch vụ phù hợp	Luợt người	
- Tổng số cuộc gọi đến đường dây nóng của mô hình	Luợt cuộc gọi	
2.6. Xã, phường, thị trấn không có tệ nạn mại dâm	Xã, phường, thị trấn	
3. Nguồn lực		

Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng¹
3.1. Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống mại dâm		
- Tổng số cán bộ làm công tác PCMD tại địa phương (gồm cả cán bộ kiêm nhiệm các cấp)	<i>người</i>	
- Số cán bộ được tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn về công tác phòng chống mại dâm	<i>Lượt người</i>	
3.2. Kinh phí cho công tác phòng, chống mại dâm		
- Tổng số kinh phí chi cho công tác PCMD giai đoạn 2016-2020	<i>Triệu đồng</i>	
<u>Trong đó:</u>		
+ Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách TW	<i>Triệu đồng</i>	
+ Kinh phí bố trí từ ngân sách địa phương	<i>Triệu đồng</i>	
+ Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước...)	<i>Triệu đồng</i>	

Lưu ý: Số liệu thống kê, báo cáo được tính đến hết ngày 31/5/2020

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)